TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2018/DS-PT
Ngày: 17-4-2018
V/v tranh chấp: "Đòi tài sản, hợp đồng gửi giữ tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Đòi tài sản, hợp đồng gửi giữ tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968.
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: Lê Văn Hữu H, sinh năm 1955 (có mặt).
Địa chỉ: 112/2 đường Đ, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2016)

- *Bị đơn:* Trần Thị Thu T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện ủy quyền cho bị đơn: Lê Thành Đ, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: Số 6, đường R, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2016)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Văn D, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 585 đường A, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;
Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ - Lê Văn Hữu H trình bày:

Khoảng năm 2014, ông có quen biết với chị Trần Thị Thu T tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian quen biết, chị T rủ ông chơi hụi theo vụ lúa ở quê chị T, hụi khui 3 tháng/1 kỳ, mỗi kỳ là 21.000.000 đồng. Do hụi đã khui 1 kỳ nên phải đóng số tiền 21.000.000 đồng. Ông đã đưa cho chị T số tiền 21.000.000 đồng. Sau đó, ông đưa thêm số tiền 42.000.000 đồng và chuyển tiền qua ngân hàng Đông Á cho chị T, nhưng chị T không có chơi hụi giùm cho ông.

Do biết ông có ý định mua đất nên chị T giới thiệu ông mua lô đất diện tích khoảng 150m^2 tại xã N, huyện C, Tiền Giang với giá 200.000.000 đồng. Đất này do chị Nguyễn Ngọc H (M) – dì út của chị T đã trả giá mua nhưng nếu ông mua thì chị T sẽ kêu chị H nhường lại. Ông nhờ bà Nguyễn Thị N chuyển số tiền 50.000.000 đồng qua ngân hàng Đông Á vào ngày 7/8/2014. Đồng thời, từ ngày 13/8/2014 đến ngày 01/10/2014, ông đã chuyển đủ cho chị T số tiền 200.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền bồi dưỡng. Nhưng chị T sử dụng vào mục đích khác, không mua đất giùm cho ông. Sau đó, chị T gọi điện thoại cho ông nói là bà ngoại chị T bán đất thổ cư tại xã Đ, huyện C, Tiền Giang. Nếu chị T mua giùm thì giá rẻ là 140.000.000 đồng. Ông đồng ý mua nên chuyển cho chị T 140.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền lên nền để xây dựng nhà. Nhưng chị T không chuyển quyền sử dụng đất cho ông.

Đầu năm 2015, ông có gửi chị T giữ giùm số tiền 300.000.000 đồng để làm nhà. Việc này chị T cho rằng cha mẹ chị T là ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim C biết nên đã buộc chị T đưa số tiền này cho ông D, bà C xây dựng nhà. Đồng thời, trong thời gian quen biết với chị T thì chị T có mượn ông 5.000.000 đồng để chuộc xe, 7.000.000 đồng để mua tủ lạnh, 9.000.000 đồng để mua xe điện, 22.000.000 đồng để trả góp xe cho em chị T, 3 chỉ vàng 24kr tương đương 15.500.000 đồng, 22.000.000 đồng để mua vàng 18kr. Tổng cộng là 78.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả. Nay ông yêu cầu chị T, ông D, bà C liên đới trả cho ông số tiền 925.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn Hữu H – người đại diện theo ủy quyền của ông Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền lên nền để xây dựng nhà 60.000.000 đồng, tiền chị T mượn 78.000.000 đồng. Nay

ông yêu cầu chị T, ông D, bà C liên đới trả số tiền đóng hụi 147.000.000 đồng, tiền gửi mua đất tại xã N 200.000.000 đồng, tiền gửi mua đất tại xã Đ 140.000.000 đồng, tiền chị T giữ giùm 300.000.000 đồng, tổng cộng là 787.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị Thu T - ông Lê Thành Đ trình bày:

Đầu năm 2004, chị và ông Đ phát sinh tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống, chị có công việc làm ổn định ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông Đ không cho chị đi làm nữa và buộc chị về quê sinh sống, mỗi tháng ông Đ gửi tiền cho chị sinh hoạt và nuôi con của chị. Lúc này, chị có ý định chung sống lâu dài với ông Đ nên chị về quê sinh sống. Trong thời gian về quê sinh sống, ông Đ có gửi tài khoản thẻ cho chị nhiều lần để chị chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và nuôi con ăn học. Trong số tiền ông Đ gửi cho chị thì chị có dành dụm chơi 3 phần hụi 5.000.000 đồng gồm 11 hụi viên, hụi khui theo vụ lúa, 1 năm khui 3 lần và chị đã đóng được 3 lần với số tiền 10.500.000 đồng và có mua của vợ chồng cậu ruột của chị là ông Nguyễn Văn Trường H và bà Nguyễn Tuyết M phần đất 150m^2 với số tiền 35.000.000 đồng (chỉ làm giấy tay), nhưng do có tranh chấp nên chị chưa nhận đất. Đến cuối tháng 11/2015, chị phát hiện ông Đ vẫn còn chung sống với vợ lớn nên đề nghị chấm dứt quan hệ tình cảm nhưng ông Đ không đồng ý. Nay ông Đ yêu cầu chị trả lại số tiền 925.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Bởi trong suốt thời gian sống chung, chị không có vay mượn hoặc giữ giùm bất kỳ khoản tiền nào của ông Đ. Riêng đối với số tiền ông Đ chuyển vào tài khoản thẻ cho chị thì đây là tiền ông Đ tự nguyện cho chị để chị chi tiêu, sinh hoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Đầu năm 2014, ông bà biết con gái của ông bà có quan hệ tình cảm với ông Đ. Do ông Đ và chị T chênh lệch tuổi tác nên ông bà không đồng ý và không cho chị T dẫn ông Đ về nhà ra mắt gia đình. Ông bà không biết mặt ông Đ và việc tiền bạc giữa ông Đ và chị T như thế nào thì ông bà không biết. Nay ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, bởi ông bà không có ký tên bất kỳ giao dịch nào đối với số tiền mà ông Đ đã kiện ông bà tại Tòa án. Đồng thời, xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

2. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Sau khi ông Đ khởi kiện chị T thì bà mới biết việc làm của ông Đ không được vợ con chấp nhận. Số tiền 50.000.000 đồng là bà cho ông Đ mượn, không phải cho chị T mượn. Khi nào bà có nhu cầu về số tiền này sẽ đòi ông Đ. Việc ông Đ kiện chị T không liên quan đến bà và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc H trình bày: Đầu năm 2014, chị biết chị T quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với ông Đ. Chị T có đưa ông

Để về nhà chị chơi nhiều lần, nhưng việc tiền bạc giữa ông Đ và chị T như thế nào thì chị không biết. Chị xin từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 256, 465, 559 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ v/v yêu cầu chị Trần Thị Thu T, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Kim C liên đới trả số tiền lên nền để xây dựng nhà 60.000.000 đồng, tiền mượn 78.000.000 đồng, tổng cộng là 138.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ v/v yêu cầu chị Trần Thị Thu T, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Kim C liên đới trả số tiền đóng hụi 147.000.000 đồng, tiền gửi mua đất tại xã N 200.000.000 đồng, tiền gửi mua đất tại xã Đ 140.000.000 đồng, tiền chị T giữ giùm 300.000.000 đồng, tổng cộng là 787.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/10/2017, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ - ông Lê Văn Hữu H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền ông Đ cho chị T giữ giùm là 300.000.000 đồng, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ buộc chị Trần Thị Thu T phải trả cho ông Đ số tiền 485.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thành Đ đồng ý việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000 đồng. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông Đ cho chị T giữ giùm, việc rút yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện được đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Xét yêu cầu kháng cáo của

đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H yêu cầu chị T trả cho ông Đ số tiền 485.000.000 đồng là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ buộc chị T trả số tiền 300.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn D, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]Về nội dung: Do không đồng ý với nội dung bản án dân sự sơ thẩm nên ngày 04/10/2017, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ là ông Lê Văn Hữu H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Hữu H tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 300.000.000 đồng mà chị T giữ giùm ông Đ. Ông Lê Thành Đ đồng ý việc ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét ý chí rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông Đ cho chị T giữ giùm. Ông Đ có thể khởi kiện lại bằng một vụ án dân sự khác.

[3]Ông H kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị T phải trả cho ông Đ số tiền 485.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật (trong đó gồm có 147.000.000 đồng tiền ông Đ gửi chị T chơi hụi giùm, 200.000.000 đồng tiền ông Đ gửi chị T mua giùm phần đất ở xã N và 140.000.000 đồng tiền mua đất ở xã Đ và trừ đi 2.000.000 đồng ông Đ tự nguyện bồi dưỡng chị T và không yêu cầu chị T trả đối với số tiền này), ông Đ không yêu cầu ông D, bà C liên đới trả cùng chị T. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì cho rằng số tiền ông Đ nộp cho chị T là để chị T sinh hoạt, chi tiêu hằng ngày dùng vào việc mua trang sức và mỹ phẩm trong thời gian chị T và ông Đ quen nhau, không thể hiện việc ông Đ gửi tiền cho chị T là để mua đất giùm hay chơi hụi giùm như phía nguyên đơn trình bày. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đ yêu cầu chị T trả cho ông số tiền 485.000.000 đồng là có cơ sở, bởi lẽ: Căn cứ khởi kiện mà ông Đ đã nộp cho Tòa án là các phiếu thu tại Quỹ tiết

kiệm Nguyễn Thị Thập – Chi nhánh Quận 7 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á với tổng số tiền nộp vào tài khoản của chị Trần Thị Thu T là 487.000.000 đồng (Bút lục từ 130-193). Trong đó có một giấy do bà Nguyễn Thị N nộp cho chị T với số tiền 50.000.000 đồng. Tại văn bản trình bày ngày 20/4/2016 bà N cũng thừa nhận có việc chuyển giùm số tiền trên cho ông Đ vào tài khoản của chị T và đồng thời ông Đ cũng đã trả lại đủ tiền cho bà, xem như ông Đ có nhờ bà N chuyển giùm số tiền này cho ông là đúng. Ngoài ra, số tiền còn lại là do ông Nguyễn Văn Đ nộp cho chị T đều vào trong số tài khoản 0102 760 544 được mở tại Ngân hàng Đông Á do chị Trần Thị Thu T là chủ tài khoản, tất cả các phiếu thu trên và giấy nộp tiền đều không ghi nội dung giao dịch. Mặc khác, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận có nhận được số tiền mà ông Đ nộp vào tài khoản của chị T như phía nguyên đơn trình bày. Vì vậy, thực tế ông Đ có gửi cho chị T số tiền nêu trên và chị T cũng đã biết đó là số tiền của ông Đ, tuy nhiên chị T cũng không chứng minh được số tiền này là do ông Đ cho chị để chi tiêu, sinh hoạt hằng ngày trong thời gian hai người quen biết nhau.

[4]Xét thấy các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền 487.000.000 đồng là của ông Đ sau đó ông Đ mới chuyển vào tài khoản của chị T tại Ngân hàng. Mặt khác, nếu chị T cho rằng số tiền nêu trên là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị thì chị T phải chứng minh việc ông Đ nộp tiền vào tài khoản của chị là để thực hiện một nghĩa vụ đối với chị T tương đương với số tiền mà chị T đã nhận hoặc chứng minh ông Để thể hiện ý chí tặng cho số tiền trên cho chị T. Vì vậy, đối với số tiền 487.00.000 đồng chị T chỉ có quyền quản lý và sử dụng theo ý chí của ông Đ mà không có quyền định đoạt số tiền nêu trên. Theo đó, ông Đ được coi là chủ sở hữu hợp pháp đối với số tiền 487.000.000 đồng theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005, nên ông Đ có quyền khởi kiện đòi lại số tiền trên từ chị T. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu chị T phải trả số tiền 485.000.000 đồng là có lợi cho chị T nên được Hội đồng xét xử ghi nhận đối với yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H buộc chị Trần Thị Thu T phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 485.000.000 đồng (trong đó gồm có 147.000.000 đồng tiền ông Đ gửi chị T chơi hụi giùm, 200.000.000 đồng tiền ông Để gửi chị T mua giùm phần đất ở xã N và 140.000.000 đồng tiền mua đất ở xã Đ và trừ đi 2.000.000 đồng ông Đ tự nguyện bồi dưỡng chị T), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6]Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 244, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 256, Điều 465, Điều 559 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu chị Trần Thị Thu T trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng tiền ông Đ cho chị T giữ giùm.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Văn Hữu H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 275/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu chị Trần Thị Thu T, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Kim C liên đới trả số tiền lên nền để xây dựng nhà 60.000.000 đồng, tiền mượn 78.000.000 đồng, tổng cộng là 138.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc chị Trần Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 485.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng)*, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Thu T chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 19.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24339 ngày 26/01/2016 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 26512 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn chị Trần Thị Thu T phải chịu 23.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Tuyên án lúc 08 giờ 15 phút ngày 17 tháng 4 năm 2018 có mặt nghe tuyên án: Ông Lê Văn Hữu H, ông Lê Thành Đ.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV & THA TAT; (để báo cáo)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan